Tuần 36 (11/09/2023)

BẢN TIN TUẦN CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

AGROINFO

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2023 đạt mức bình quân 2.642 USD/tấn, giảm 2,35% so với tuần trước.
- Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2023 đạt mức bình quân 3.299 USD/tấn, giảm 1,57% so với tuần trước.
- Tồn kho cà phê Robusta trên sàn London đã tăng 1.650 tấn, tương đương 4,91% so với tuần trước, lên 35.280 tấn (khoảng 588.000 bao, bao 60 kg)
- Hiệp hội Cà phê Anh (BCA) tổ chức hội thảo trực tuyến về quy định phá rừng của EU với mục đích giúp các doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của Quy định Phá rừng (EUDR) của EU
- Giá một tách cà phê năm 2023 tại Hà Lan đã tăng 3% so với năm 2022.

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

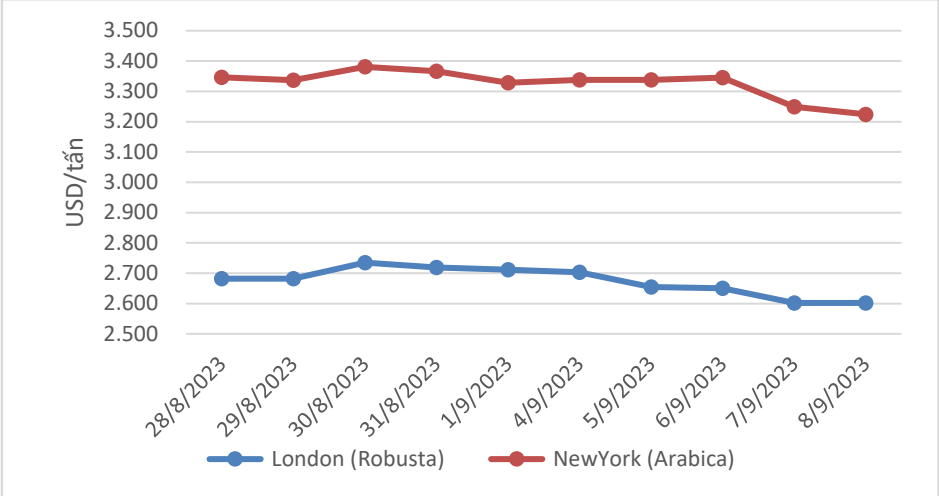

Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

Thị trường London, tuần 36 (4/9 - 8/9) có 2 phiên tăng giá và 3 phiên giảm giá đan xen. Giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2023 trung bình đạt 2.642 USD/tấn, giảm 2,35% so với tuần trước, và tăng 17,7% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.703 USD/tấn, giá thấp nhất là 2.602 USD/tấn.[1]

Thị trường New York, trong tuần có 2 phiên tăng giá và 2 phiên giảm giá. Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/223 bình quân đạt 3.299 USD/tấn, giảm 1,57% so với mức giá tuần trước, và giảm 34,8% so với cùng kỳ năm 2022. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.346 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.224 USD/tấn. [1]

Tồn kho cà phê thế giới

Tính đến ngày 08/09/2023, tồn kho cà phê Robusta trên sàn London đã tăng 1.650 tấn, tương đương 4,91% so với tuần trước, lên 35.280 tấn (khoảng 588.000 bao, bao 60 kg). Đây là mức tăng tuần đầu tiên trong vòng nhiều tháng qua, do lượng cà phê Robusta từ Brazil được đưa về sàn để tham gia bán đấu giá. [2]

Anh

Ngày 07/09/2023, Hiệp hội Cà phê Anh (BCA) tổ chức hội thảo trực tuyến về quy định phá rừng của EU với mục đích giúp các doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của Quy định Phá rừng (EUDR) của EU. Hội thảo được tổ chức online để cùng với các doanh nghiệp đưa ra các giải pháp nhằm đáp ứng các yêu cầu của EUDR

Intercontinental Exchange (ICE) và Oritain sẽ đại diện BCA tham gia hội thảo để thảo luận về hoạt động và kế hoạch của BCA giúp các doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của EUDR. ICE đang cho ra mắt dịch vụ truy xuất nguồn gốc hàng hóa ICE (ICoT), được thiết kế để hỗ trợ các doanh nghiệp trong các ngành công nghiệp ca cao và cà phê trong việc chứng minh sự tuân thủ của họ với quy định của EU. Oritain cũng cung cấp các dịch vụ xác minh xuất xứ giúp các công ty xác minh nguồn gốc của sản phẩm và nguyên liệu thô. [3]

Ấn Độ

Ngành cà phê Ấn Độ đang đứng trước các cơ hội trong tương lai. Tiêu thụ cà phê nội địa Ấn Độ có xu hướng đáng chú ý như lượng tiêu thụ tăng vọt trong thời gian gần đây, đạt 1.235.000 (bao 60 kg) trong niên vụ 2022-2023. Sự gia tăng nhu cầu địa phương cho thấy thói quen tiêu dùng đang thay đổi và văn hóa cà phê đang phát triển mạnh mẽ trong nước. Khi ngày càng có nhiều người Ấn Độ yêu thích cà phê, điều này có khả năng ổn định giá cà phê. Sự gia tăng tiêu dùng trong nước của Ấn Độ được cho là sẽ tạo ra một bước đệm vững chắc để chống lại sự biến động giá cả quốc tế. [4]

Song song với xu hướng tiêu dùng trong nước, xuất khẩu cà phê của Ấn Độ đã cho thấy khả năng phục hồi đáng chú ý, đạt mức tăng đáng kể 6% trong khoảng thời gian từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2023. Sự gia tăng đáng chú ý về số liệu xuất khẩu này cho thấy sự hiện diện ngày càng mở rộng của Ấn Độ trên thị trường quốc tế. Việc gia tăng nhu cầu có thể mang lại lợi ích cho việc duy trì mức giá thuận lợi. [4]

Hà Lan

Theo khảo sát cà phê hàng năm của tạp chí thương mại dịch vụ ăn uống Misset Horeca, giá một tách cà phê năm 2023 tại Hà Lan đã tăng 3% so với năm 2022. Tuy nhiên, tại các thành phố lớn, giá cà phê giảm khoảng 6%. Hàng năm, Misset Horeca khảo sát hơn 1.200 doanh nhân kinh doanh dịch vụ ăn uống trên toàn quốc về giá của cà phê Cappuccino và cà phê Espresso. Hơn 80% cho biết họ đã tăng giá thực đơn cà phê năm nay trung bình thêm 0,18 cent mỗi cốc. Có sự khác biệt trong khu vực. Cà phê Cappuccino rẻ nhất trong danh sách có giá 2,55 Euro và đắt nhất là 3,75 Euro. [5]

Misset Horeca cũng lưu ý rằng, sau nhiều năm tăng trưởng bùng nổ, ngày càng ít cửa hàng cà phê cung cấp các sản phẩm sữa làm từ thực vật. Ví dụ tỷ lệ các cửa hàng cung cấp sữa yến mạch hoặc sữa hạt với cà phê Cappuccino và Latte của họ đã tăng từ 57% vào năm 2020 lên 75% vào năm ngoái trước khi giảm xuống 67% trong năm nay. [5]

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê Robusta trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên giữ giá trong tuần này. Giá trung bình tại Đắk Lắk là 5.993 VNĐ/kg, và tại Lâm Đồng là 65.320 VNĐ/kg.
- Ước tính tháng 8/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 80.000 tấn, trị giá 237 triệu USD, giảm 26,5% về lượng và 23% về trị giá so với tháng 7/2023.
- Tháng 8/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt 2.963 USD/tấn, tăng 4,8% so với tháng 7/2023 và 25,8% so với tháng 8/2022.
- Di Linh phát triển sản xuất cà phê hữu cơ

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

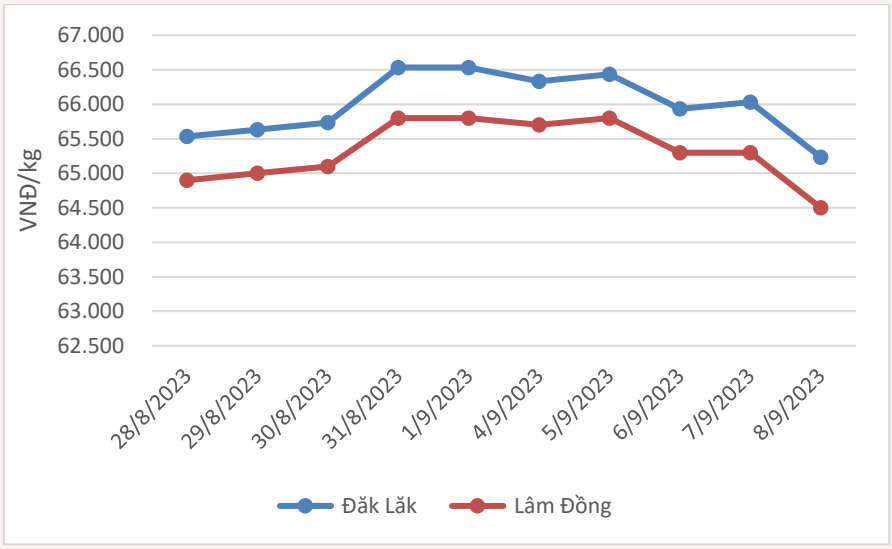

Nguồn: CTV AgroInfo

Giá cà phê trung bình tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này không thay đổi với so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê Robusta bình quân trong tuần đạt 65.993 VNĐ/kg, giữ nguyên so với tuần trước, nhưng tăng 37,68% so với cùng kỳ năm 2022. Tại Lâm Đồng, giá cà phê Robusta bình quân 65.320 VNĐ/kg, nhưng tăng 37,81% so với cùng kỳ năm 2022. [6]

Theo Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công thương, ước tính tháng 8/2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 80.000 tấn, trị giá 237 triệu USD, giảm 26,5% về lượng và 23% về trị giá so với tháng 7/2023, so với tháng 8/2022 giảm 29,2% về lượng và 10,9% về trị giá. Lũy kế 8 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt gần 1,2 triệu tấn, trị giá 2,94 tỷ USD, giảm 5,7% về lượng, nhưng tăng 2,3% về trị giá so với cùng kỳ năm ngoái. [7]

Tháng 8/2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt 2.963 USD/tấn, tăng 4,8% so với tháng 7/2023 và 25,8% so với tháng 8/2022. Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, giá xuất khẩu bình quân cà phê của Việt Nam ước đạt 2.455 USD/tấn, tăng 8,5% so với cùng kỳ năm ngoái. [7]

Theo thống kê sơ bộ từ số liệu của Tổng cục Hải quan, tháng 7/2023, xuất khẩu cà phê Robusta, Arabica và Excelsa giảm về lượng so với cùng kỳ năm 2022 lần lượt là 7,9%, 51,8% và 63,7%. Xét về trị giá, xuất khẩu cà phê Arabica và Excelsa giảm lần lượt là 59,2% và 62,7%, nhưng xuất khẩu cà phê Robusta và cà phê chế biến tăng lần lượt là 16,1% và 25,1%. Tính chung 7 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu cà phê Robusta và Arabica giảm, nhưng xuất khẩu cà phê Excelsa và cà phê chế biến tăng [7]

Sơn La

Sơn La sẽ tổ chức Lễ hội cà phê Sơn La lần thứ nhất năm 2023 tại thành phố Sơn La từ ngày 10/10 đến ngày 13/10/2023. Lễ hội cà phê Sơn La nhằm quảng bá, khẳng định vị thế cà phê Sơn La tại thị trường trong và ngoài nước. Sau hơn 30 năm phát triển cây cà phê, Sơn là địa phương có diện tích cà phê lớn nhất miền bắc với diện tích gần 17 nghìn ha, sản lượng khoảng 30 nghìn tấn nhân/năm. Thông qua chuỗi sự kiện của Lễ hội nhằm quảng bá cà phê Sơn La, phát triển cà phê chất lượng cao góp phần nâng tầm giá trị, tôn vinh người trồng, sản xuất, chế biến và kinh doanh cà phê, động viên cộng đồng cùng chung tay vun đắp cho sự phát triển của văn hoá cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La nói riêng và Việt Nam nói chung. [8]

Lâm Đồng

Cà phê hữu cơ đang được phát triển ở huyện Di Linh, tỉnh Lâm Đồng. Ở Di Linh, cà phê hữu cơ đang ngày càng được người dân quan tâm, bởi giá bán cao hơn cà phê truyền thống, lên tới gấp đôi. Tại địa bàn xã Đinh Lạc, huyện Di Linh hiện nay còn có 35 ha cà phê chuẩn hữu cơ do 4 thanh niên địa phương kiên trì tạo dựng. Đặc biệt, vào ngày 1/3/2023, mô hình cà phê của Công ty TNHH Nông sản thực phẩm hữu cơ Việt Nam đã được cấp chứng nhận USDA của Chương trình Hữu cơ quốc gia, Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ. [9]

Theo ông Vũ Hồng Long - Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Di Linh, toàn huyện có trên 45.000 ha cà phê với tổng sản lượng hàng năm khoảng 145.000 tấn và khoảng 95% cà phê của địa phương phục vụ xuất khẩu nhưng diện tích sản xuất cà phê hữu cơ đạt chứng nhận còn khá khiêm tốn. Tuy nhiên, tin vui là ngày càng nhiều người dân quan tâm tới việc trồng cà phê hữu cơ bền vững. Do vậy, địa phương đang tiếp tục khuyến khích người dân, doanh nghiệp, các tổ hợp tác, hợp tác xã tập trung sản xuất cà phê hữu cơ, nâng cao giá trị sản phẩm cho cây trồng truyền thống, chủ lực của địa phương. [9]

Gia Lai

Trong 2 ngày 08 và 09/09/2023, tỉnh Gia Lai đã tổ chức diễn đàn kết nối hệ sinh thái ngành cà phê “from farm to cup” (từ nông trại tới ly cà phê) trong khuôn khổ Gia Lai Coffee Festival. Đây cũng là sự kiện mở ra cơ hội quảng bá, giới thiệu sản phẩm chủ lực, đặc trưng của địa phương, góp phần xây dựng thương hiệu cà phê Gia Lai. Các hoạt động của sự kiện này bao gồm trải nghiệm các phương thức rang, xay và pha chế cà phê, thi đấu Barista Teamwork, Talkshow về chuyên đề chất lượng cà phê Gia Lai. Ngoài ra, tại sự kiện còn trưng bày 32 mẫu cà phê chất lượng cao của tỉnh Gia Lai và các dụng cụ pha chế, sách, tài liệu chuyên sâu về lĩnh vực cà phê... [10]

Nguồn tham khảo:

1. https://www.investing.com/
2. https://giacaphe.com/
3. GlobalCoffeeReport
4. vietnambiz.vn
5. Tạp chí thương mại dịch vụ ăn uống Misset Horeca
6. Cộng tác viên cà phê khu vực Tây Nguyên
7. Cục Xuất nhập khẩu – Bộ Công Thương
8. Ban Văn hóa – Xã hội – Đài tiếng nói Việt Nam
9. Báo Lâm Đồng
10. Báo Gia Lai

Giá cà phê nhân xô

Đơn vị: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	**65.700**	**65.800**	**65.300**	**65.300**	**64.500**	**65.320**	**1.260**
Di Linh	65.700	65.800	65.300	65.300	64.500	65.320	1.260
Lâm Hà	65.700	65.800	65.300	65.300	64.500	65.320	1.260
Bảo Lộc	65.700	65.800	65.300	65.300	64.500	65.320	1.260
ĐẮK LẮK	**66.333**	**66.433**	**65.933**	**66.033**	**65.233**	**65.993**	**1.300**
Cư M'gar	66.400	66.500	66.000	66.100	65.300	66.060	1.300
Ea H'leo	66.300	66.400	65.900	66.000	65.200	65.960	1.300
Buôn Hồ	66.300	66.400	65.900	66.000	65.200	65.960	1.300
ĐẮK NÔNG	**66.550**	**66.650**	**66.150**	**66.250**	**65.450**	**66.210**	**1.320**
Gia Nghĩa	66.600	66.700	66.200	66.300	65.500	66.260	1.320
Đắk R'lấp	66.500	66.600	66.100	66.200	65.400	66.160	1.320
GIA LAI	**65.933**	**66.033**	**65.533**	**65.633**	**64.833**	**65.593**	**1.500**
Chư Prông	66.000	66.100	65.600	65.700	64.900	65.660	1.500
Pleiku	65.900	66.000	65.500	65.600	64.800	65.560	1.500
La Grai	65.900	66.000	65.500	65.600	64.800	65.560	1.500
KON TUM	**66.000**	**66.100**	**65.600**	**65.700**	**64.900**	**65.660**	**1.620**
Đắk Hà	66.000	66.100	65.600	65.700	64.900	65.660	1.620

Nguồn: CTV Agroinfo, Giacaphe.com

Bản tin được thực hiện bởi AGROINFO

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn